

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A- TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2024/DS-ST

Ngày 12 - 7 - 2024

“V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A- TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ánh Đông.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Văn Thị Thu Vân.

2. Bà Trần Thị Kia.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã

A.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Atham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Ngọc, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 01/2024/TLST-DS ngày 03/01/2024 “Về việc tranh chấp về hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2024/QĐXXST-DS ngày 07/6/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2024/QĐST-DS ngày 26/6/2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần C (V); địa chỉ: A T, quận H, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đoàn Nhân T, Trưởng phòng G, V - Chi nhánh G1; địa chỉ: A T, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Theo Văn bản ủy quyền lại số: 11/UQ-CNGL-TH ngày 10/7/2024 của Giám đốc V - Chi nhánh G1). Ông T có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1975; địa chỉ: A Q, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nơi cư trú hiện nay: B H, Tổ B, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty cổ phần D (Công ty D); địa chỉ: B L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Văn H1, Chuyên viên Giám sát cơ sở; địa chỉ: Siêu thị W, 3 H, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Theo giấy ủy quyền số 2005/2024/UQ-WINCOMMERCE ngày 20/5/2024 của Giám đốc Khối pháp chế - Công ty D). Ông H1 có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đoàn Nhân T trình bày: Bà Nguyễn Thị H có vay tiền của Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh G1 (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) tại Hợp đồng cho vay hạn mức số: 93/2023-HĐCVHM/NHCT500/NGUYENTHIHUONG ngày 14/3/2023, hạn mức cho vay 5.600.000.000 đồng, số tiền vay, lãi suất cho vay, ngày trả nợ được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Ngân hàng đã giải ngân cho bà Nguyễn Thị H số tiền cụ thể như sau:

STT	Số Giấy nhận nợ	Số tiền vay	Ngày vay	Ngày trả
1	Giấy nhận nợ số 05	715.000.000đ	17/5/2023	17/11/2023
2	Giấy nhận nợ số 07	410.000.000đ	08/6/2023	08/12/2023
3	Giấy nhận nợ số 08	500.000.000đ	12/6/2023	12/12/2023
4	Giấy nhận nợ số 10	450.000.000đ	06/7/2023	06/01/2024
5	Giấy nhận nợ số 11	450.000.000đ	13/7/2023	13/01/2024
6	Giấy nhận nợ số 12	450.000.000đ	17/7/2023	17/01/2024
7	Giấy nhận nợ số 13	490.000.000đ	20/7/2023	20/01/2024
8	Giấy nhận nợ số 14	410.000.000đ	21/7/2023	21/01/2024
9	Giấy nhận nợ số 15	300.000.000đ	24/7/2023	24/01/2024
10	Giấy nhận nợ số 16	370.000.000đ	04/8/2023	04/02/2024
11	Giấy nhận nợ số 17	131.000.000đ	25/8/2023	25/02/2024
12	Giấy nhận nợ số 18	100.000.000đ	27/9/2023	27/3/2024
13	Giấy nhận nợ số 19	200.000.000đ	28/9/2023	28/03/2024
14	Giấy nhận nợ số 20	185.000.000đ	02/10/2023	02/4/2024
15	Giấy nhận nợ số 20	150.000.000đ	04/10/2023	04/4/2024
16	Giấy nhận nợ số 21	138.000.000đ	05/10/2023	05/4/2024
17	Giấy nhận nợ số 22	109.000.000đ	13/10/2023	13/4/2024
18	Giấy nhận nợ số 23	42.000.000đ	26/10/2023	26/4/2024

Tổng cộng 5.600.000.000đ

Tổng dư nợ tính đến ngày 04/12/2023: 5.681.138.652 đồng (Năm tỷ, sáu trăm tám mươi một triệu, một trăm ba mươi tám ngàn, sáu trăm năm mươi hai đồng). Trong đó nợ gốc: 5.600.000.000 đồng; lãi cộng dồn: 81.138.652 đồng.

Về biện pháp bảo đảm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 717/HĐTC ngày 11/10/2012; kèm theo Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số: 771/2018/VBSĐBS/HĐBĐ/NHCT500 ngày 03/7/2018; Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số: 360/2022/VBSĐBS/HĐBĐ/NHCT500 ngày 27/6/2022 đã được công chứng tại Phòng C1 tỉnh Gia Lai và đăng ký thế chấp tại Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh G - Chi nhánh thị xã A. Bà Nguyễn Thị H dùng tài sản của mình là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 650252 do Ủy ban nhân dân thị xã A cấp ngày 21/12/2005, diện tích 209m² thuộc thửa đất số 120, tờ bản đồ số 124, tại

địa chỉ: A Q, Tổ A, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho hợp đồng vay. Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng cho vay và thiếu thiện chí hợp tác trả nợ vay Ngân hàng. Cụ thể: Đến kỳ hạn trả nợ gốc, lãi vay ngày 17/11/2023, số tiền gốc đến hạn: 715.000.000 đồng, tiền lãi: 7.580.959 đồng, bà H không trả nợ. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, tạm tính đến ngày 12/7/2024: 6.112.097.301 đồng (Sáu tỷ, một trăm mười hai triệu, không trăm chín mươi bảy ngàn, ba trăm linh một đồng). Trong đó nợ gốc: 5.600.000.000 đồng; lãi trong hạn và lãi quá hạn: 512.097.301 đồng. Đồng thời, yêu cầu Tòa án xử lý tài sản thế chấp là nhà và đất tại số A Q, Tổ A, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai đứng tên bà Nguyễn Thị H để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị H mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, nhiều lần Tòa án triệu tập đến hòa giải, triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Người đại diện theo ủy quyền của Công ty D trình bày: Công ty D và bà Nguyễn Thị H ký kết Hợp đồng thuê mặt bằng số MBT.2023.10117.00 ngày 22/5/2023 và các phụ lục đính kèm tại từng thời điểm (“Hợp đồng thuê”). Theo Hợp đồng thuê, bà Nguyễn Thị H cho WinCommerce thuê một phần tầng trệt căn nhà với diện tích khoảng 100m² và phần diện tích sử dụng miễn phí trên thửa đất số 120, tờ bản đồ số 124 tại địa chỉ 354 (số mới là 1107) Q, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai để hoạt động kinh doanh. Thời hạn thuê từ ngày 24/5/2023 đến hết ngày 23/5/2028. Việc giao kết Hợp đồng thuê giữa WinCommerce và bà Nguyễn Thị H là hoàn toàn tự nguyện. Mục đích, nội dung của Hợp đồng thuê tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật liên quan. Kể từ sau khi ký Hợp đồng thuê cho đến nay, WinCommerce đang kinh doanh ổn định tại Mặt bằng thuê. WinCommerce đã đầu tư và mở cửa hàng B+ tại Mặt bằng thuê để phục vụ, đáp ứng nhu cầu mua sắm thực phẩm và hàng hóa tiêu dùng người dân trong khu vực. Vì vậy, WinCommerce đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật, bảo đảm quyền tiếp tục thuê mặt bằng của WinCommerce đến hết thời hạn hợp đồng, kể cả trong trường hợp xử lý tài sản bảo đảm.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị H phải trả nợ gốc cho ngân hàng; tiền lãi, trong hạn, lãi quá hạn và phạt chậm trả là 6.112.097.301 đồng và lãi phát sinh đến khi tất toán hồ sơ vay. Trong trường hợp bà Nguyễn Thị H không trả được nợ thì Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo như các Hợp đồng thế chấp hai bên đã ký kết để thu hồi toàn bộ nợ gốc và lãi cho Ngân hàng. Về án phí và chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị H phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng Thương mại cổ phần C khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1975; địa chỉ: A Q, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nơi cư trú hiện nay: B H, Tổ B, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai, yêu cầu bà H phải trả số tiền đã vay. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng tín dụng, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai. Bị đơn bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Nguyễn Thị H.

[2] Về nội dung: Theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần C, cùng với việc cung cấp chứng cứ là Hợp đồng cho vay hạn mức số: 93/2023-HĐCVHM/NHCT500/NGUYENTHIHUONG ngày 14/3/2023 (kèm theo các Giấy nhận nợ), Hợp đồng thế chấp tài sản số: 717/HĐTC ngày 11/10/2012; kèm theo Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số: 771/2018/VBSĐBS/HĐBĐ/NHCT500 ngày 03/7/2018; Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số: 360/2022/VBSĐBS/HĐBĐ/NHCT500 ngày 27/6/2022 đã được công chứng tại Phòng C1 tỉnh Gia Lai và đăng ký thế chấp tại Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh G - Chi nhánh thị xã A, thì có đủ cơ sở xác định bà Nguyễn Thị H có vay và còn nợ Ngân hàng tạm tính đến ngày 12/7/2024: 6.112.097.301 đồng (Sáu tỷ, một trăm mười hai triệu, không trăm chín mươi bảy ngàn, ba trăm linh một đồng). Trong đó nợ gốc: 5.600.000.000 đồng; lãi trong hạn và lãi quá hạn: 512.097.301 đồng. Xét thấy, hợp đồng tín dụng mà hai bên giao kết là hoàn toàn tự nguyện và đúng theo quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý ràng buộc trách nhiệm của các bên. Trong thời gian thực hiện hợp đồng tín dụng, bà Nguyễn Thị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi đến hạn theo cam kết trong hợp đồng cho vay. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị H thanh toán tiền gốc và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng cho vay hạn mức số: 93/2023-HĐCVHM/NHCT 500/NGUYENTHIHUONG ngày 14/3/2023 (kèm theo các Giấy nhận nợ) là có căn cứ theo quy định tại các Điều 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự.

[3] Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc bà Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C, thông qua Chi nhánh G1, tạm tính đến ngày 12/7/2024 số tiền: 6.112.097.301 đồng (Sáu tỷ, một trăm mười hai triệu, không trăm chín mươi bảy ngàn, ba trăm linh một đồng) và tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 13/7/2024 đến khi trả xong nợ, theo mức lãi suất đã thỏa thuận.

[4] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là nhà và đất tại A Q, Tổ A, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai đứng tên bà Nguyễn Thị H theo Hợp đồng thế chấp tài

sản số: 717/HĐTC ngày 11/10/2012; kèm theo Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số: 771/2018/VBSĐBS/HĐBĐ/NHCT500 ngày 03/7/2018; Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số: 360/2022/VBSĐBS/HĐBĐ/NHCT500 ngày 27/6/2022. Xét thấy, Hợp đồng thế chấp tài sản được thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 317, 318 và 502 của Bộ luật Dân sự; các Điều 167, 179 và 188 của Luật Đất đai năm 2013 nên có hiệu lực pháp luật. Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ theo quy định tại Điều 299 của Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận.

[5] Hiện tại một phần mặt bằng tầng trệt của căn nhà tại số A Q, Tổ A, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai thuộc tài sản thế chấp đang được bà Nguyễn Thị H cho Công ty D thuê để kinh doanh cửa hàng bán lẻ WinMart, thời hạn thuê đến hết ngày 23/5/2028. Xét thấy, Hợp đồng thuê mặt bằng giữa Công ty D và bà Nguyễn Thị H tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật có liên quan, bà H đã thông báo cho bên thuê và bên nhận thế chấp theo quy định tại khoản 6 Điều 321 của Bộ luật Dân sự. Do đó, khi xử lý tài sản thế chấp Công ty D được quyền tiếp tục thuê mặt bằng cho đến khi hết thời hạn theo hợp đồng là đúng theo quy định tại Điều 34 Nghị định 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự.

[6] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 4.200.000 đồng. Theo quy định tại Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu số tiền là 4.200.000 đồng. Ngân hàng đã nộp số tiền tạm ứng là 4.200.000 đồng, nên bà H phải thanh toán lại cho Ngân hàng số tiền 4.200.000 đồng.

[7] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, thì bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Như vậy, bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền 6.112.097.301 đồng như sau: $[112.000.000 \text{ đồng} + (0,1\% \times 2.112.097.301 \text{ đồng})] = 114.112.097 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 157, 227, 228; khoản 1 Điều 235 và các Điều 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 299, 317, 318, 319, 320, 321, 323, 357, 463, 466, 468 và 502 của Bộ luật Dân sự; các Điều 167, 179 và 188 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần C.

- Buộc bà Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C, thông qua Chi nhánh G1 số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 12/7/2024: 6.112.097.301 đồng (Sáu tỷ, một trăm mười hai triệu, không trăm chín mươi bảy ngàn, ba trăm linh một đồng). Trong đó nợ gốc: 5.600.000.000 đồng; lãi trong hạn và lãi quá hạn: 512.097.301 đồng. Bà H phải tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 13/7/2024 đến khi trả xong nợ, theo mức lãi suất đã thỏa thuận.

- Trường hợp bà Nguyễn Thị H không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự thị xã A xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 717/HĐTC ngày 11/10/2012; kèm theo Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số: 771/2018/ VBSĐBS/ HĐBĐ/NHCT500 ngày 03/7/2018; Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số: 360/2022/ VBSĐBS/HĐBĐ/NHCT500 ngày 27/6/2022 để thu hồi nợ. Cụ thể là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 650252 do Ủy ban nhân dân thị xã A cấp ngày 21/12/2005, diện tích 209m² thuộc thửa đất số 120, tờ bản đồ số 124, tại địa chỉ: A Q, Tò A, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai cấp cho bà Nguyễn Thị H.

- Khi xử lý tài sản thế chấp, Công ty D được quyền tiếp tục thuê mặt bằng cho đến khi hết thời hạn theo hợp đồng (đến ngày 23/5/2028). Người nhận chuyển giao tài sản thế chấp tiếp tục thực hiện hợp đồng thuê mặt bằng với Công ty D, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

Việc tính lãi và cả lãi suất nợ quá hạn đối với các khoản vay của tổ chức tín dụng theo như hợp đồng đã ký kết kể từ khi giao dịch cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng.

3. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 4.200.000 đồng. Ngân hàng đã nộp số tiền tạm ứng là 4.200.000 đồng, nên bà Nguyễn Thị H phải thanh toán lại cho Ngân hàng số tiền 4.200.000 đồng. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi xong khoản tiền trên, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí:

- Buộc bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 114.112.097 đồng (*Một trăm mười bốn triệu một trăm mười hai ngàn không trăm chín mươi bảy đồng*).

- Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.840.000 đồng (*Năm mươi sáu triệu tám trăm bốn mươi ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0012945 ngày 03/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh Gia Lai.

5. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 12/7/2024, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Thời hạn trên đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã An Khê;
- Chi cục THADS TX. An Khê;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)
Đông Ánh Đông